

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN

Số: 2279/BVBD-VTTBYT
V/v: mời gửi báo giá cung
ứng bổ sung vật tư tiêu hao và
hóa chất, công cụ dụng cụ sử
dụng tại Bệnh viện Bưu điện
năm 2026 – 2027 – 2028 (Đợt
4 năm 2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bưu điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán, giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bưu điện

Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận: Ông Đoàn Ngọc Long
- Chức vụ: Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT
- SĐT: 0941.018.286

II. Thành phần báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 01 đính kèm: Bản gốc có ký đóng dấu người đại diện pháp luật.
- Quyết định trúng thầu tại Cơ sở y tế khác, không phải tại Bệnh viện Bưu điện (sau đây viết tắt là: *Quyết định trúng thầu*); ưu tiên đã ký trong vòng 1 năm trở lại đây tính từ ngày 20/05/2026 hoặc trước đó (nếu có và đánh giá còn hợp lý): Bản sao y, đóng dấu công ty.

III. Nội dung yêu cầu trong báo giá và trên Quyết định trúng thầu:

1. Nội dung yêu cầu trong báo giá gồm tối thiểu các thông tin sau đây:

- Danh mục hàng hóa: *Chi tiết tại các phụ lục 02 đính kèm. Chào theo mẫu tại Phụ lục 01.*
- Địa điểm giao hàng:

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 1: Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 2: Số 1 phố Yên Bái II, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian giao hàng dự kiến: 16 tháng.
- Thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hóa đơn trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng và hóa đơn.

- Các thông tin khác (nếu có).
- 2. Nội dung yêu cầu trên Quyết định trúng thầu (viết tắt: QĐTT):**
- Bôi đậm (Highlight) danh mục được tham chiếu giá.
 - Tại mỗi danh mục được tham chiếu giá trên QĐTT, Công ty ghi “Mã yêu cầu” (G....) để thuận lợi đối chiếu.

IV. Cách thức, thời gian tiếp nhận, hiệu lực báo giá:

1. Gửi trực tiếp đến địa chỉ:

Tầng 6- phòng Vật tư –TBYT, Bệnh viện Bưu điện, Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Gửi bản Quyết định trúng thầu tại CSYT khác, File excel và scan báo giá ký người đại diện pháp luật vào email: vttbyt.bvbd01072013@gmail.com.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 11/08/2026 đến trước 17h ngày 20/08/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 540 ngày kể từ ngày 20/08/2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTBYT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Trường Giang

PHỤ LỤC 01
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 2279 /BVBD-VTTBYT ngày 20 tháng 08 năm 2026 của Bệnh viện Bưu điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bưu điện

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bưu điện, chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Mã yêu cầu ⁽¹⁾	Danh mục Hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model ⁽³⁾	Hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Mã HS ⁽⁵⁾	Năm sản xuất ⁽⁶⁾	Xuất xứ ⁽⁷⁾	Số lượng chính ⁽⁸⁾	Số lượng tùy chọn mua thêm ⁽⁹⁾	Đơn giá ⁽¹⁰⁾ (đồng)	Đơn vị tính ⁽¹¹⁾	Thành tiền ⁽¹²⁾ (đồng)	Mô tả tính năng kỹ thuật ⁽¹³⁾	QĐTT tham chiếu	
														Đơn giá trúng thầu (đồng) ⁽¹⁴⁾	Quyết định số ngày của ... ⁽¹⁵⁾
1												Cách tính: (12) = [(8) + (9)] *(10).			
2															
3															
4															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục IV - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 15.

(1) Là “Mã yêu cầu” nêu tại các Phụ lục.

(2) Là Tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” nêu tại các Phụ lục 02 đính kèm.

(3) Là ký hiệu, mã hiệu, model của hàng hóa.

(4) Là Hãng sản xuất.

(5) Là mã HS của từng hàng hóa.

(6), (7) Là năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.

(8) Là số lượng, khối lượng chính nêu trong Yêu cầu báo giá.

(9) Là số lượng, khối lượng tùy chọn mua thêm nêu trong Yêu cầu báo giá.

(10) Là đơn giá chào (đã bao gồm đầy đủ thuế, phí/lệ phí, chi phí vận chuyển, bàn giao và dịch vụ khác liên quan).

(12): Cách tính: $(12) = (8 + 9) * (10)$. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (đồng). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(15): Ví dụ: Quyết định số 123/QĐ-BV ngày 12/3/2025 của Bệnh viện A

(16): Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
1	G1.790	Mặt nạ gây mê	Cái	208	62	Cấu hình cung cấp: - Mặt nạ gây mê: 1 cái - Dây đeo: 1 cái Thông số kỹ thuật - Bóng đệm khí làm bằng vật liệu PVC, độ ôm khít tốt. - Vỏ mặt nạ trong suốt, thuận tiện cho việc quan sát. - Khả năng kín của lỗ thao tác và nắp bịt trên mặt nạ tốt; dưới áp suất khí (6 ± 0.3) kPa, tốc độ rò rỉ không vượt quá 25 ml/phút. - Có cổng thao tác qua mũi và cổng thao tác qua miệng; cổng thao tác qua mũi có thể đưa ống thông mũi hầu vào khi bệnh nhân bị tắc nghẽn đường hô hấp trên, giúp thiết lập đường thở nhân tạo, vừa tiết kiệm thời gian vừa cung cấp thêm phương án thiết lập đường thở cho nhân viên y tế. - Có thiết kế miếng chắn: miếng chắn được gài với mặt nạ, giúp ngăn lưỡi tụt ra sau gây ảnh hưởng thông khí, đồng thời bảo vệ hiệu quả ống soi phế quản mềm và các dụng cụ khác khỏi bị bệnh nhân cắn hỏng; miếng chắn thiết kế hình oval giúp đưa ống nội soi dạ dày và các dụng cụ khác vào thuận tiện hơn. - Lỗ trên nắp silicone có các kích thước 10 mm, 12 mm..., đáp ứng nhu cầu nội soi phế quản mềm hoặc hút đờm với nhiều kích cỡ khác nhau. - Chiều dài mặt nạ: 134 ± 10 mm; chiều rộng mặt nạ: 110 ± 10 mm. - Đóng gói: tiệt khuẩn bằng khí EO.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
2	G1.791	Miếng dán điện	Túi			- Kích thước: 4x6cm	Không yêu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		cực		100	30	- Chất liệu: Silicon dẫn điện - Gel tự dính, tái sử dụng được. Độ kết dính cao, chắc chắn, thời gian sử dụng lâu. - Quy cách: 2 cái/túi	cầu		
3	G1.792	Bộ khăn dùng cho phẫu thuật khớp vai	Bộ	1.760	528	Vải không dệt 5 lớp SMMMS ≥ 43 gsm không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Bộ khăn bao gồm tối thiểu những chi tiết sau: 1. Khăn nội soi khớp vai chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp SMMMS ≥ 43 gsm, kích thước $\geq 200\text{cm} \times 320\text{cm}$, có túi chứa dịch. Không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Khăn có khoét chữ U kích thước 12cm x 85 cm ($\pm 10\%$), có định với túi chứa dịch: 01 Cái 2. Băng keo OP kích thước $\geq 10 \times 50\text{cm}$: 03 Cái 3. Bao phủ chi chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp, kích thước $\geq 35\text{cm} \times 112\text{cm}$, có dây buộc cố định, chống thấm nước, chống tĩnh điện, may bằng máy cao tần: 01 Cái 4. Khăn lau thấm hút chất liệu vải Spunlace, kích thước $\geq 30\text{cm} \times 40\text{cm}$, không gây kích ứng da: 02 Cái 5. Khăn trải đa dụng chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp, kích thước $\geq 90\text{cm} \times 100\text{cm}$, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện: 01 Cái	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						6. Khăn trải bàn kích 140x200cm có 2 lớp không thấm nước: Lớp plastic: kích thước $\geq 140\text{cm} \times 200\text{cm}$; Lớp vải không dệt ≥ 5 lớp, $\geq 35\text{ gsm}$ kích thước $\geq 80\text{cm} \times 200\text{cm}$. Giữa khăn có dán bằng keo 2 mặt để cố định khăn với bàn dụng cụ: 01 Cái 7. Khăn U không thấm chất liệu màng plastic xanh, kích thước $\geq 150\text{cm} \times 230\text{cm}$, được khoét hình chữ U kích thước 12cm x 75cm ($\pm 10\%$) Đóng gói: 1 bộ/gói. Sản phẩm được đựng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. - Đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, TCVN ISO 13485:2017, EN ISO 11135:2014 - Được cấp chứng nhận CE.			
4	G1.793	Dây dẫn sáng cỡ 2.5mm dài 230cm	Cái	6	1	Dây dẫn sáng, cỡ 2.5mm, dài 230cm, có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao 134 độ C, sử dụng tương thích với Ống soi khám buồng tử cung 26008BAC của hãng Karl Storz tại bệnh viện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
5	G1.794	Ống soi mềm 270 độ	Cái	2	-	Ống soi mềm: Uốn cong lên tối đa: 270 độ, Uốn cong xuống tối đa: 270 độ, Hướng nhìn thẳng: 0 độ, Đường kính ngoài: 9Fr, Chiều dài: 700 mm. Kết nối tương thích cùng bộ điều khiển camera nội soi Full HD Telecam C3 của hãng Karlstorz trong bộ khám nội soi buồng tử cung.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
6	G1.795	Dây tưới kiểm soát áp lực, dùng nhiều lần cho máy tưới dịch Karlstorz	Cái	5	1	Dây tưới kiểm soát áp lực, dùng nhiều lần, có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao, dùng tương thích với máy tưới hút dịch UP220 của hãng Karl Storz tại bệnh viện.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
7	G13BS26.320	Đèn soi bóng đồng tử	Cái	1	-	1. Cấu hình cung cấp tối thiểu: + Máy chính: 01 chiếc; + Tay cầm: 01 chiếc; + Pin sạc Lithium hoặc tương đương: 01 chiếc; + Bộ nguồn/bộ sạc: 01 bộ; + Hộp đựng: 01 chiếc; + Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ. 2. Thông số kỹ thuật: + Chức năng sử dụng: Dùng để soi bóng đồng tử và xác định điểm trung hòa + Chùm tia kiểm tra: Có khả năng thay đổi chùm tia từ phân kỳ sang hội tụ hoặc tương đương để hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu điểm trung hòa + Cơ chế điều chỉnh: Có khả năng điều chỉnh góc xoay 360° hoặc tương đương + Điều chỉnh hội tụ: Có chức năng điều chỉnh hội tụ chùm tia + Khẩu độ: Có tối thiểu 02 vị trí khẩu độ, trong đó có khẩu độ khoảng 4 mm và khoảng 1,7 mm hoặc tương đương + Nguồn sáng: Nguồn sáng LED hoặc công nghệ tương đương, bảo đảm độ sáng phù hợp khi thăm khám + Nguồn điện: Sử dụng pin sạc Lithium-	G7	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						ion hoặc loại pin sạc tương đương + Thời gian sạc: Thời gian sạc đầy không quá 2 giờ hoặc tốt hơn + Thời gian sử dụng: Thời gian sử dụng liên tục sau khi sạc đầy tối thiểu 2 giờ hoặc tốt hơn + Khả năng sử dụng khi sạc: Có thể sử dụng khi đang sạc hoặc có giải pháp tương đương bảo đảm thiết bị sẵn sàng sử dụng + Trọng lượng: Nhẹ, thuận tiện thao tác cầm tay; không quá khoảng 300 g			
8	G13BS26.321	Đèn soi đáy mắt trực tiếp	Cái	3	-	1. Cấu hình cung cấp tối thiểu Máy chính: 01 chiếc; Tay cầm: 01 chiếc; Pin sạc Lithium hoặc tương đương: 01 chiếc; Bộ nguồn/bộ sạc: 01 bộ; Hộp đựng: 01 chiếc; Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ 2. Thông số kỹ thuật: + Chức năng sử dụng: Dùng để soi đáy mắt, hỗ trợ quan sát võng mạc và các cấu trúc trong mắt. + Hệ thống quang học: Có hệ thống quang học cho chùm sáng góc rộng hoặc tương đương, hỗ trợ quan sát võng mạc rõ ràng với nhiều kích thước đồng tử khác nhau. + Giảm phản xạ: Có thiết kế quang học giúp giảm ảnh hưởng của phản xạ giác	G7	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						mạc hoặc giải pháp tương đương. + Nguồn sáng: Nguồn sáng LED hoặc công nghệ tương đương. + Nhiệt độ màu: Khoảng 3000K hoặc phù hợp cho quan sát đáy mắt. + Thấu kính: Dải công suất thấu kính tối thiểu từ +29D đến -30D hoặc rộng hơn. + Chuyển nhanh công suất: Có khả năng chuyển nhanh bước $\pm 20D$ hoặc tương đương để hỗ trợ tăng tốc độ chẩn đoán. + Bộ lọc: Có bộ lọc đỏ hoặc bộ lọc tương đương dùng trong kiểm tra mạch máu. + Thao tác sử dụng: Bộ phận thấu kính và bộ lọc có thể thao tác thuận tiện bằng đầu ngón tay, không gây gián đoạn quá trình thăm khám. + Phần tiếp xúc người dùng: Có phần tỳ chân mềm mại hoặc thiết kế tương đương giúp định vị khi soi và bảo vệ kính đối với người đeo kính. + Nguồn điện: Sử dụng pin sạc Lithium-ion hoặc loại pin sạc tương đương. + Thời gian sạc: Thời gian sạc đầy không quá 2 giờ hoặc tốt hơn. + Thời gian sử dụng: Thời gian sử dụng liên tục sau khi sạc đầy tối thiểu 2 giờ hoặc tốt hơn. + Khả năng sử dụng khi sạc: Có thể sử dụng khi đang sạc hoặc có giải pháp tương đương bảo đảm thiết bị sẵn sàng sử dụng.			

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
9	G13BS26.322	Gọng thử kính có điều chỉnh khoảng cách đồng tử	Cái	2	-	Thiết kế: Trọng lượng nhẹ, mang lại sự thoải mái tối đa cho bệnh nhân. Điều chỉnh PD: Khoảng cách đồng tử (PD) có thể điều chỉnh linh hoạt từ 48 mm đến 80 mm. Chức năng: Điều chỉnh dễ dàng trục kính, chiều dài gọng, và đi kèm đĩa đo góc mặc với khoảng chia 2 mm.	G7	Thiết bị y tế	16 tháng
10	G1.797	Áo cổ định cột sống	Cái	400	120	- Chất liệu vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. - Có khóa cổ định dạng dán - Có tối thiểu 4 thanh nẹp lớn thiết kế định hình áo nẹp chạy dọc 2 bên ở phía sau và phía trước được uốn cong theo đường cong của cơ thể từ vai tới hông, các thanh nẹp nhỏ có độ đàn hồi được bố trí xung quanh 2 bên sườn và bụng giúp nâng đỡ cơ thể, hệ thống băng nhám dính giúp sản phẩm ôm sát cơ thể, dễ tháo lắp. Nẹp bao phủ từ cột sống ngực xuống cột sống thắt lưng. - Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
11	G1.798	Áo cổ định lưng H1	Cái	200	60	- Chất liệu vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. - Có khóa cổ định dạng dán - Có đệm mút và nhiều thanh nẹp hợp kim nhôm uốn theo đường cong cơ thể ôm sát vùng lưng, có thể rút ra được. - Có hai dây chun dày có độ đàn hồi cao ở hai bên có tác dụng bó chặt sản phẩm vào vùng thắt lưng.	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL. - Làm từ vải cotton hoặc polyester, vải có lỗ thoáng khí - Đệm mút dày $\geq 4\text{mm}$, khóa Velcro. - Lớp vải và mút được cán dán vào nhau thành một khối. - Sử dụng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính. - Gồm tối thiểu 7 cỡ tương ứng với số đo vòng ngực các cỡ: XXS ($<50\text{cm}$), XS($50-60\text{cm}$), S($60-75\text{cm}$), M($75-85\text{cm}$), L($85-95\text{cm}$), XL($95-105\text{cm}$), XXL($>105\text{cm}$) (sai số $\pm 1\%$)			
12	G1.799	Băng cố định khớp vai H1	Cái	150	45	- Làm từ vải cotton và vải tricot, có mút xốp PU. - Thiết kế 2 phần, tạo góc nâng khớp vai trong quá trình điều trị. - Có gối đi kèm, giúp tay dạng ra từ 15 độ đến ≥ 30 độ, điều chỉnh được, phù hợp cho cả vai phải và vai trái, phần còn lại thiết kế dạng túi nâng đỡ tay ở vị trí điều trị. - Gồm tối thiểu 3 cỡ tương ứng với độ dài từ khuỷu đến bàn tay: M ($25-30\text{cm}$), L($30-35\text{cm}$), XL ($>35\text{cm}$) (sai số $\pm 1\%$)	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
13	G1.800	Băng bán cố định khớp vai H1	Cái	300	90	- Làm từ vải ống dệt cotton hoặc polyester, da, có mút xốp, khóa Velcro. - Hệ thống dây kéo velcro kết hợp dây dệt có chiều dài $29-30\text{cm} \pm 2\text{cm}$, chiều	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
14	G1.801	Đai số 8 H1	Cái	250	75				

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						rộng khoảng 3cm. - Dùng cố định khi chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức đòn. - Có tối thiểu 5 cỡ tương ứng với số đo vòng ngực: XXS (41-51cm), XS(51-61cm), S(61-75cm), M(76-85cm), L(86-95cm), XL(96-105cm), XXL(>105cm) (sai số $\pm 1\%$)			
15	G1.802	Đai thắt lưng	Cái	500	150	- Làm từ chun lưới có cước, vật liệu là nylon và spandex; - Phần mặt trước làm từ lưới cứng, nhám bông tạo độ cứng tránh gập bụng. - Thanh nẹp thép đàn hồi sơn tĩnh điện, uốn theo đường cong cơ thể, định vị vị trí. - Dùng hỗ trợ tổn thương và trong quá trình điều trị cột sống thắt lưng. - Chiều cao: 220mm (Sai số $\pm \leq 5\%$), - Gồm tối thiểu 5 cỡ ứng với số đo vòng eo: S (50-65cm), M (65-80cm), L (80-95cm), XL(95-110cm), XXL(110-125cm) (sai số $\pm 1\%$).	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
16	G1.803	Nẹp cẳng tay H4	Cái	300	90	- Phần bao thanh nẹp làm từ vải dệt kim, mút xốp dày khoảng 5mm, vải cao lông, dây bông hai mặt, nhám gai. - Độ dày vải bồi mút khoảng 5mm tạo độ êm bảo vệ tay, cùng hệ thống dây kéo gồm dây dán gai và khóa velcro có chiều dài từ 25-36cm ± 2cm, chiều rộng: 3,8cm. - Bản nẹp làm từ chất liệu hợp kim nhôm	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						được anod hóa bề mặt, có độ cứng đảm bảo tính cố định, được uốn định hình ở tư thế điều trị. Có kích thước linh hoạt cho từng cỡ: dài từ 16-32cm, rộng 3,8cm. - Dùng trong sơ cứu chấn thương xương khớp, cân cơ vùng cẳng tay, cổ tay, hỗ trợ cố định sau gãy xương trụ, gãy đầu dưới xương quay Pouteau Colles. - Gồm tối thiểu 7 cỡ tương ứng với chu vi vòng cổ tay: XXS (<12cm), XS (12-14cm), S (14-16cm), M (16-18cm), L (18-20cm), XL (20-22cm) (sai số $\pm 1\%$).			
17	GI.804	Nẹp cánh tay H3	Cái	150	45	- Phần bao thanh nẹp làm từ vải dệt kim, vải tricot, có nút xóp, khóa Velcro, dây 2 mặt bông. - Được thiết kế gồm hệ thống 2 thanh nẹp làm từ chất liệu hợp kim nhôm được anod hóa bề mặt, có độ cứng đảm bảo tính cố định, thiết kế theo tư thế điều trị. Kích thước thanh nẹp chính linh hoạt theo cỡ: dài từ 39-64cm, rộng: 2,5cm; thanh nẹp phụ dài từ 13-19cm, rộng khoảng 3cm. - Dây đai treo được lót nút, có khóa nhựa giúp điều chỉnh mức độ cố định cao thấp. - Dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân khu vực 1/3 dưới xương cánh tay, cố định sau mổ xương, khớp chi trên, ổn định khớp khuỷu tay. - Gồm tối thiểu 7 cỡ ứng với độ dài từ	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						khuyết tay đến bàn tay: XXS (21-24cm), XS (24-28cm), S (28-31cm), M (31-34cm), L (34-37cm), XL (37-40cm), XXL (>40cm) (sai số $\pm 1\%$).			
18	G1.805	Nẹp chống xoay dài H2	Cái	50	15	- Có hệ thống thanh nẹp cứng để cố định cơ thể bao gồm: + Thanh nẹp chính bản rộng khoảng 5cm được uốn theo đường cong chân. + Thanh nẹp ngang có tác dụng chống xoay. + Thanh nẹp dài trên đùi: thanh nẹp hợp kim nhôm đặc biệt có gân. Chiều dài linh hoạt theo kích thước dài từ 37-60cm, rộng 2,5cm. + Vành đầu trên đùi để cố định chống trượt khỏi đùi. - Bao thanh nẹp gồm vải và mút được cán dán vào nhau dày $\geq 10\text{mm}$. - Cố định nẹp vào chân bởi hệ thống các dây đai vải dán với mút xốp được may đặc biệt đảm bảo độ êm không giãn, cố định chắc chắn.	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
19	G1.806	Nẹp chống xoay ngắn H1	Cái	100	30	- Gồm Thanh nẹp chính chịu lực tốt bản rộng khoảng 5cm được uốn theo đường cong của bàn chân và cẳng chân, cùng 1 thanh nẹp ngang giúp chống xoay. - Bao thanh nẹp gồm vải và mút được cán dán vào nhau dày $\geq 10\text{mm}$ - Nẹp cố định vào chân bởi hệ thống dây tricot bởi mút, êm ái, không giãn.	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
20	G1.807	Nẹp cổ cứng	Cái			- Làm từ chất liệu Polyester gồm 2 mảnh	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
				50	15	riêng biệt được gắn với nhau bởi băng nhám dính, khuôn nhựa định hình tạo khung cửa sổ ở vị trí mở khí quản. - Sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ, sau phẫu thuật, có thể luôn ống nội khí quản. - Gồm tối thiểu 3 cỡ ứng với số đo chiều cao cổ: S(7cm), M(9cm), L(11cm) (sai số $\pm 1\%$).			
21	G1.808	Nẹp cổ mềm	Cái	200	60	- Làm từ mút xốp mềm tỷ trọng 35 kg/m ³ , nhẹ và thoáng khí, vải ống bo, khóa Velcro. - Dùng cho các trường hợp chấn thương không cần cố định hoàn toàn, chấn thương nhẹ, hạn chế vận động. Sau phẫu thuật mạch máu, cân cơ vùng cổ. - Gồm tối thiểu 4 cỡ ứng với số đo chiều cao cổ: 5, 6, 8, 10cm (sai số $\pm 1\%$).	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
22	G1.809	Nẹp gối H3	Cái	500	150	- Làm từ vải cotton/polyester, vải tricot, có mút xốp dày khoảng 5mm, khóa Velcro. - Hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được anod hóa bề mặt, có độ cứng đảm bảo tính cố định, uốn định hình. - Thiết kế 3 mảnh có thể di chuyển 2 thanh nẹp phù hợp với từng cỡ chân. - Dùng sơ cứu cố định sau chấn thương, sau phẫu thuật khớp gối. - Gồm tối thiểu các loại tương ứng các chiều dài: 40cm, 50cm, 60cm 70cm (sai số $\pm 1\%$).	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
23	G1.810	Túi treo tay H2	Cái	250	75	- Phần bao thanh nẹp làm từ vải dệt kim, có mút xốp dày 5mm, vải cao lông, dây bông hai mặt, nhám gai. Độ dày vải bồi mút khoảng 5mm tạo độ êm bảo vệ tay, cùng hệ thống dây kéo gồm dây dán gai và khóa velcro có chiều dài từ 25-36cm ± 2cm, chiều rộng: 3,8cm. - Bần nẹp làm từ chất liệu hợp kim nhôm được anod hóa bề mặt, có độ cứng đảm bảo tính cố định, được uốn định hình ở tư thế điều trị. Có kích thước linh hoạt cho từng cỡ dài từ 16-35m, rộng 3,8cm. - Dùng trong sơ cứu chấn thương xương khớp, cân cơ vùng cẳng tay, cổ tay, hỗ trợ cố định sau gãy xương trụ, gãy đầu dưới xương quay Pouteau Colles. - Gồm tối thiểu 7 cỡ tương ứng với chu vi vòng cổ tay: XXS (<12cm), XS (12-14cm), S (14-16cm), M (16-18cm), L (18-20cm), XL (20-22cm) (sai số $\pm 1\%$).	Việt Nam	Thiết bị y tế	16 tháng
24	G13.99	Máy đo bão hòa oxy SPO2	Cái	7	2	1. Cấu hình thiết bị: - Máy chính cầm tay: 01 chiếc. - Cảm biến đo SpO2 dùng cho trẻ sơ sinh: 01 chiếc. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ. 2. Đặc tính kỹ thuật: - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA - Thiết bị theo dõi bão hòa oxy trong máu chính xác cả khi bệnh nhân cử động và chỉ số tưởi máu.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Khối lượng nhẹ, cầm tay tiện lợi. - Chỉ số tưới máu (PI) hiển thị cường độ xung động mạch. - Có thanh tín hiệu để xác định các mức tín hiệu và chất lượng giá trị SpO2 được hiển thị. - Có báo động âm thanh và hình ảnh. 3. Thông số kỹ thuật: - Dải đo: + SpO2: từ $\leq 1\%$ đến 100%. + Nhịp tim: từ ≤ 25 đến ≥ 240 (nhịp/phút). + Chỉ số tưới máu: từ $\leq 0,02$ đến $\geq 20\%$. - Sai số SpO2 (trong dải từ 70% đến 100%): + Khi không cử động: Người lớn, trẻ em: $\leq 2\%$, Trẻ sơ sinh: $\leq 3\%$. + Khi cử động: Người lớn, trẻ em: $\leq 3\%$, Trẻ sơ sinh: $\leq 3\%$. + Khi chỉ số tưới máu thấp: Người lớn, trẻ em: $\leq 2\%$, Trẻ sơ sinh: $\leq 3\%$. - Sai số nhịp mạch (trong dải từ 25 đến 240 nhịp/phút): + Khi không cử động: ≤ 3 nhịp/phút. + Khi cử động: ≤ 5 nhịp/phút. - Khi chỉ số tưới máu thấp: ≤ 3 nhịp/phút. - Độ phân giải: + Độ bão hòa (%SpO2): $\leq 1\%$. + Nhịp mạch: ≤ 1 nhịp/phút. - Trọng lượng: $\leq 0,5\text{kg}$.			

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Bảo động Ưu tiên cao: ≥ 5 xung. - Bảo động Ưu tiên thấp: ≥ 3 xung. - Hiện thị: + Hiện thị tối thiểu các dữ liệu: % SpO2, nhịp mạch, chỉ số tưới máu, cảnh báo và cảnh báo trạng thái im lặng, thanh tín hiệu, trạng thái pin sử dụng. + Loại: LED hoặc tương đương. - Lưu trữ dữ liệu: tối thiểu 72 giờ - Có 3 mức độ nhạy: Trung bình, cao, Phát hiện tháo đầu dò tự động - Chỉnh được độ sáng màn hình từ 4 mức.			
25	G13BS26.323	Trocar cỡ 13.5mm	Cái	1	-	Trocar cỡ 13.5mm ,dài 11.5cm, van điều khiển tự động hoặc bằng tay. Cấu tạo gồm 3 phần có thể tháo rời: Vỏ ngoài, van và nòng Trocar	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
26	G13BS26.324	Nắp giảm khẩu kính 13.5mm	Cái	1	-	Nắp giảm từ 13.5mm về 5mm và 13.5mm về 10mm, có thể hấp tiết trùng	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
27	G13BS26.325	Trocar dùng cho stapler cỡ 12mm	Cái	1	-	Cỡ 12mm, dài 95mm, van chất liệu kim loại, điều khiển tự động hoặc bằng tay. Cấu tạo gồm 3 phần có thể tháo rời: Vỏ ngoài, van và nòng trocar. Có thể hấp tiết trùng.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
28	G13BS26.326	Nắp giảm khẩu kính 12mm	Cái	1	-	Nắp giảm 12mm về 5mm, có thể hấp tiết trùng	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
29	G13BS26.327	Trocar dùng cho stapler cỡ 12.5mm	Cái	20	6	Trocar dùng cho stapler cỡ 12.5m, dài 110mm, dùng được cho dụng cụ từ cỡ 12 đến 5mm mà không cần van giảm, sử dụng 1 lần.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
30	G13BS26.328	Dao mổ điện cao tần	Cái	1	-	Cắt thuần: $\geq 100W/ 300\Omega$ - Cắt hỗn hợp $\geq 100W/ 300\Omega$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Đông tiếp xúc $\geq 60W / 300\Omega$ - Đông lưỡng cực $\geq 80W / 100\Omega$ - Tần số làm việc 1.6 MHz - Nguồn AC120V or AC 230V, 50 / 60 Hz - Kích thước: 270x310x110 mm$\pm$5% - Trọng lượng: $\leq 6kg$ - Chế độ bảo vệ Class 1			
31	G1.811	Gel chống dính sau phẫu thuật 2ml	Ống	1.000	300	Dung tích 2ml. Thành phần Hyaluronan (HA liên kết chéo) 5mg/ml (± 1), Natri clorua 9mg/ml (± 1) Độ nhớt cao ≥ 35000 mPa.s Không chứa chất phụ gia. Hấp thụ hoàn toàn trong 7 đến 14 ngày Bảo quản được ở dải nhiệt độ 2-30 độ C Đóng gói gồm 1 ống gel và 1 ống bơm. Đạt chứng nhận: CE (MDR), CFS Đức (G7)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
32	G13BS26.329	Lưu lượng kế gắn bình oxy	Bộ	25	7	- Bộ điều chỉnh áp lực sử dụng với chai ôxy áp lực lên đến 200bar. - Có sẵn đồng hồ đo áp lực của chai khí. - Tích hợp với lưu lượng kế dạng bi, cột lưu lượng có thể xoay 360 độ để quan sát từ mọi hướng. - Độ chính xác của lưu lượng kế: $\leq \pm 10\%$ - Áp lực đầu vào tối đa: 200 bar - Lưu lượng: $> 10L/phút$ - Thiết bị được chế tạo từ vật liệu có độ bền cao, chống ăn mòn như hợp kim	G7 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						nhôm anod hóa, polycarbonate, polyamide, thép không gỉ, đồng mạ crôm hoặc vật liệu tương đương			
33	G13BS26.330	Lưu lượng kế gắn tường	Bộ	74	22	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết: 1. Bộ lưu lượng kế: • Chuẩn cắm đầu vào: BS/DIN/JIS... (và các chuẩn khác theo yêu cầu) • Chuẩn cắm đầu ra: DISS 9/16" • Dải đo: 4, 6 hoặc 15 lít/phút • Áp lực cấp: $\leq 4,5$ bar • Căn chuẩn: tại mức áp lực khoảng 101,3 kPa và 23oC • Chính xác: $\pm 10\%$ • Kích thước: khoảng $\square 31 \times 140$ mm 2. Bình làm ẩm • Bình làm ẩm: sử dụng nhiều lần, có thể hấp tiệt trùng ở mức nhiệt ≥ 121oC • Đầu kết nối: bằng kim loại, chuẩn DISS 9/16" • Van quá áp lực: $\leq 1,4$bar • Mức chứa tối đa: ≥ 200cc • Mức chứa tối thiểu: ≤ 100cc	G7 hoặc Châu Âu	Thiết bị y tế	16 tháng
34	G13BS26.331	Máy cảm biến kỹ thuật số dùng trong nha khoa	Cái	1	-	Ma trận điểm ảnh lớn nhất: 1200×1650 Vùng chụp hiệu dụng: 24×33 Kích thước điểm ảnh trung bình: 20 μm Màn huỳnh quang: CsI Kích thước cảm biến: 43.5×29.2×4.5mm Độ phân giải không gian: Lý thuyết: 25 lp/mm – Thực tế: ≥ 12 lp/mm Chiều dài dây : 2,8 m Giao diện: USB trực tiếp, USB 2.0 Công suất: 2,5 W Phiên bản phần mềm: Firmware:	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						V1.0.0 – Ai-Dental: V1.0.0 *Yêu cầu cấu hình máy tính: - Hệ điều hành: Windows 7 hoặc cao hơn - Bộ xử lý: Intel Core i4 hoặc cao hơn - RAM: 8 GB trở lên - Ổ cứng: 500 GB trở lên - Cổng USB: 4 cổng USB 2.0 tốc độ cao - Card đồ họa: NVIDIA GT710 - Chip USB: Intel hoặc NEC / RENESAS - Độ phân giải màn hình: 1920 × 1080 trở lên *Nguồn phát tia X tương thích: - Điện áp: 60–70 kV - Dòng: 1–8 mA Đạt tiêu chuẩn 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy chụp X-Quang răng cầm tay (dạng súng không kèm sensor) model: RAY98(P)			
35	G13BS26.332	Bơm tiêm điện	Cái	7	2	* Cấu hình cơ bản gồm: - Máy chính: 01 cái - Kẹp cọc truyền: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ * Đặc tính kỹ thuật bao gồm: - Có màn hình màu ≥ 4 inch hiển thị các thông số - Cài đặt các thông số bằng phím mềm và núm xoay - Nguồn điện DC:Ắc quy loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục ≥ 12 tiếng khi mất điện lưới - Có thêm pin phụ hỗ trợ báo động trong trường hợp hỏng ắc quy và mất điện lưới - Sử dụng được các loại bơm tiêm: 5 mL,	G7	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						10 mL, 20 mL, 30 mL, 50/60 mL (Với ≥ 15 nhãn bơm tiêm khác nhau) - Chế độ đặt liều: Có các chế độ mL/h, $\mu\text{g/kg/phút}$, mg/kg/h - Tốc độ tiêm tối thiểu: $\leq 0.01\text{mL/h}$ - Tốc độ tiêm tối đa: $\geq 1200\text{ mL/h}$ - Thể tích dịch đặt trước tối đa: $\geq 9999\text{ mL}$ - Cài đặt thời gian tiêm: 1 phút đến ≥ 99 giờ 59 phút - Cài đặt liều: ≤ 0.01 đến ≥ 999 ($\mu\text{g/kg/phút}$ hoặc mg/kg/h) - Cài đặt cân nặng bệnh nhân tối đa: $\geq 300\text{ kg}$ (bước đặt $\leq 0.1\text{ kg}$) - Tốc độ tiêm nhanh (bolus) khi ấn và giữ phím: 100 đến $\geq 1200\text{mL/h}$ tùy thuộc loại bơm tiêm - Thời gian tiêm nhanh khi không ấn và giữ phím: từ 1 giây đến ≥ 60 phút - Hiện thị thể tích dịch đã tiêm: 0 đến $\geq 9999\text{ mL}$ - Độ chính xác máy: $\pm \leq 1\%$ - Ngưỡng áp lực báo tắc: ≤ 10 đến $\geq 120\text{ kPa}$ (có ≥ 10 mức để chọn) - Tốc độ đuổi khí tối đa với bơm 5mL: $\geq 150\text{ mL/h}$ - Công suất tiêu thụ điện: $\leq 24\text{VA}$ - Chuẩn chống nước IP24 hoặc tốt hơn * Bảo động trong các trường hợp: - Tắc đường tiêm truyền - Gắn hết dịch			

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Đuôi piston của bơm tiêm lắp không đúng - Thân của bơm tiêm lắp không đúng - Ấc quy yếu - Báo động khi ắc quy hỏng và mất điện lưới - Hoàn thành thể dịch đặt trước * Các chức năng an toàn: - Cài đặt báo động gần hết dịch bằng thời gian - Chọn áp lực báo tắc đường tiêm ở ≥ 10 mức - Giảm tốc bolus: giảm áp lực trong bơm tiêm khi gặp báo động tắc nghẽn - Khóa bàn phím để tránh ấn nhầm phím khi máy đang hoạt động * Các chức năng khác: - Hiện thị hướng dẫn lắp bơm tiêm trên màn hình LCD - Cài đặt thời gian chờ theo yêu cầu lên tới ≥ 24 giờ - Điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD ≥ 5 mức - Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ ≥ 10000 sự kiện - Đặt bước cài đặt ≥ 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt			
36	G6.30	Ống nghiệm nhựa các cỡ	Cái	262.900	78.870	Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 12x75mm, nắp trắng	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
37	G6.1288	Dung dịch bảo dưỡng kim	ml	318	64	- Nước rửa kim, tương thích dùng cho máy Alinity	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		dùng cho máy Alinity				'-Hộp 2x31.8mL.			
38	G6.58	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	ml	110	30	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control). Sau khi hoàn nguyên, vật liệu kiểm soát ổn định trong 7 ngày khi được bảo quản ở 2-8 độ C. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa của bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
39	G6.59	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	ml	24	6	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người). Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control). Sau khi hoàn nguyên, chất hiệu chuẩn sẽ ổn định trong 7 ngày khi được bảo quản ở 2-8 độ C. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa của bệnh viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
40	G6.1228	Hóa chất định lượng (PIGF) trong huyết thanh người	Test	3.200	900	Hóa chất định lượng yếu tố tăng trưởng nhau thai (PIGF) trong huyết thanh người. Tương thích với máy cobas đang sử dụng tại viện. Quy cách 100 test/hộp - Bao gồm: Kháng thể đơn dòng kháng	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						PIGF đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng kháng PIGF đánh dấu phức hợp ruthenium; chất bảo quản.			
41	G6.661	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Test	4.000	1.200	Hóa chất phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Tương thích với máy cobas đang sử dụng tại bệnh viện Quy cách: 100 test/ hộp	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng
42	G6.1238	Hóa chất xét nghiệm Anti-HCV dùng cho máy Alinity	Test	2.000	600	Xét nghiệm Alinity i Anti-HCV là xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) sử dụng để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người, bao gồm cả mẫu thu thập cho khám nghiệm tử thi (không còn nhịp tim) trên máy phân tích Alinity i. Xét nghiệm Alinity i Anti-HCV được sử dụng để hỗ trợ chẩn đoán nhiễm virus viêm gan C (HCV) và là xét nghiệm tầm soát để tránh việc truyền máu, các thành phần của máu, tế bào, mô và cơ quan có virus HCV cho người nhận. Độ nhạy toàn phần: 100.00%. Độ đặc hiệu: ≥99.92 % cho toàn bộ mẫu người hiến máu (bao gồm mẫu huyết thanh và huyết tương; Có công bố về độ nhạy chuyển đổi huyết thanh trên 31 dân mẫu Số lượng: 200 test. Tương thích với Máy Alinity tại viện	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
43	G13BS26.333	Khay hấp statim 5000 loại dài	Cái	10	3	- Khay hấp statim 5000 loại dài tương thích với máy hấp tiệt trùng nhanh statim 5000 đang sử dụng tại viện - Khay hấp thiết kế nhẹ, mỏng giúp tăng nhiệt nhanh và giảm thời gian xử lý - Làm từ thép không gỉ - Kích thước: Dài 56.5 cm (bao gồm tay cầm) x Rộng 19.5 cm x Cao 8.0 cm	G7	Thiết bị y tế	16 tháng
44	G13BS26.334	Chổi rửa dụng cụ nội soi các cỡ	Cái	200	60	Chổi rửa dụng cụ dùng để vệ sinh dụng cụ nội soi, gồm các cỡ danh định: 16mm, 11mm, 7mm, 3mm. Chất liệu: nhựa PA hoặc vật liệu tương đương, phù hợp để vệ sinh dụng cụ y tế. Cỡ sợi chổi: 0,2mm $\pm$ 5%. Chiều dài phần chổi rửa: 90mm $\pm$ 5% đối với cỡ 16mm; 50mm $\pm$ 5% đối với các cỡ 11mm, 7mm, 3mm. Tổng chiều dài chổi: 550mm $\pm$ 5% đối với cỡ 16mm; 400mm $\pm$ 5% đối với các cỡ 11mm, 7mm, 3mm. Tay cầm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu tương đương, đường kính tay cầm: 3mm $\pm$ 5% đối với cỡ 16mm; 2mm $\pm$ 5% đối với các cỡ 11mm, 7mm, 3mm.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	16 tháng
45	G1.112.1	Dung dịch rửa tay, tắm sát khuẩn trước phẫu thuật	ml	500.000	150.000	Dung dịch bao gồm: 4%w/w Chlorhexidine gluconate, Coconut fatty acid diethanol amide, Cocamido propyl betain, BKC (Benzalkonium Chloride) 0,1%, Acid citric, Glycerine, Tá dược, dưỡng da, hương liệu và nước RO vừa đủ. Dung tích: 30ml/chai	Không yêu cầu	Không phải TBYT	16 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
46	G1.812	Vòng tay định danh cho trẻ sơ sinh	Cái	18.000	5.000	- Chất liệu chứa 82% nano-silicon, mềm mại, không gây kích ứng da - Có khả năng chống thấm trong môi trường khô và ẩm; chịu được ethanol, xà phòng, dầu và các dung dịch thông thường - Màu sắc: xanh da trời, hồng, vàng, đỏ hoặc trắng - Kích thước vòng: 206 × 25 mm, sai số cho phép ± 2 mm. - Kích thước vùng in: 67 × 20 mm, sai số cho phép ± 2 mm. - Có tối thiểu 15 lỗ điều chỉnh kích thước; sử dụng nút gài kẹp bằng nhựa, bảo đảm chắc chắn khi đeo - Áp dụng phương pháp in nhiệt trực tiếp; tương thích với máy in nhãn TD-2130N/TD-2320D đang sử dụng tại bệnh viện	Không yêu cầu	Không phải TBYT	16 tháng
47	G11	Ethanol	chai	4	-	Độ tinh khiết (GC): ≥ 99.9 % Định tính (IR): Phù hợp Ngoại quan: Phù hợp Màu sắc: ≤ 10 Hazen Độ tan trong nước: Phù hợp Độ axit hoặc kiềm: ≤ 30 ppm Axit có thể chuẩn độ: ≤ 0.0002 meq/g Bazơ có thể chuẩn độ: ≤ 0.0002 meq/g Khối lượng riêng (d 20 °C/20 °C): 0.790 – 0.793 Độ hấp thụ UV: Phù hợp Aldehyde (tính theo Acetaldehyde): ≤	Không yêu cầu	Không phải TBYT	18 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						0.001 % Dầu fusel: Phù hợp Các chất khử permanganat kali (tính theo O): ≤ 0.0002 % Các chất khử permanganat (ACS): Phù hợp Hợp chất carbonyl (tính theo CO): ≤ 0.003 %. Thể tích tối thiểu 1 lít/chai.			